

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI QUYẾT ĐỊNH NGHỈ HỌC CỦA SINH VIÊN - TỪ TỔNG QUAN LÝ THUYẾT TỚI MÔ HÌNH THỰC NGHIỆM

Nguyễn Thiều Tuấn Long

Khoa Xã hội học và Công tác xã hội, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: tuanlong.dhkh@husc.edu.vn

Ngày nhận bài: 28/4/2022; ngày hoàn thành phản biện: 6/5/2022; ngày duyệt đăng: 4/8/2022

TÓM TẮT

Nghỉ học không phải là một hiện tượng hiếm gặp trong nền giáo dục đại học hiện đại. Có nhiều lý do dẫn đến quyết định nghỉ học của sinh viên. Các lý do ấy thường xuất phát từ bên trong / bản thân người học (personal) và cả những lý do xuất phát từ bên ngoài / thiết chế (institutional). Bài viết này hướng tới việc tổng hợp các cách tiếp cận trong nghiên cứu về hiện tượng nghỉ học của sinh viên hiện nay, từ đó đề xuất một mô hình nghiên cứu thực nghiệm trong tương lai.

Từ khóa: Nghỉ học, yếu tố cá nhân, yếu tố thiết chế.

1. MỞ ĐẦU

Việc sinh viên nghỉ học tại các trường đại học đặt ra một câu hỏi lớn cho các cơ sở giáo dục về nguyên nhân dẫn tới các quyết định này của sinh viên. Đã có nhiều nghiên cứu được đưa ra nhằm xác định đâu là lực kéo (pull out) và lực đẩy (push-out) khiến các sinh viên lần lượt từ bỏ các cam kết ngầm ẩn mà họ đã đưa ra ngay từ đầu khi tham gia vào các chương trình đào tạo.

Quyết định nghỉ học của sinh viên không chỉ là một lựa chọn cá nhân. Các liên kết xã hội giữa cá nhân với không gian sinh sống, bao gồm môi trường văn hóa và bối cảnh xã hội đã mang lại những thông tin đầu vào hữu ích để sinh viên cân nhắc trước khi đưa ra quyết định của mình về việc có tiếp tục theo đuổi chương trình học hay không. Do đó, khó có một cách giải thích nào hoàn toàn phù hợp để lý giải về hiện tượng này nếu mỗi ngành khoa học đều chỉ dựa vào các kỹ thuật thực nghiệm và góc nhìn hạn hẹp của mình để đưa ra phán đoán. Lúc này, một nghiên cứu thực nghiệm được phát triển lên từ cách tiếp cận tổng tích hợp từ nhiều lý thuyết, nhiều góc nhìn và đa khía cạnh để có thể giúp tạo ra một mô hình đo lường phù hợp hơn cho chủ đề này.

2. NỘI DUNG

Vấn đề nghỉ học của sinh viên là một hiện tượng xã hội phức tạp vì có mối liên hệ giữa nhiều bên liên quan (người học – gia đình - nhà trường – xã hội) ngay cả khi đặt chúng trong cùng một bối cảnh xã hội nhất định.

Vì tính chất phức tạp này, chúng đang được nghiên cứu dưới nhiều góc độ tiếp cận khác nhau từ các lĩnh vực khác nhau bao gồm các khía cạnh cụ thể như nhân khẩu học (demography), tâm lý người học (psychology process), vấn đề chăm sóc sức khỏe (health care issue), định chế giáo dục (education / academic institution), cách tiếp cận văn hóa và tập tính xã hội (habitus and culture field), hoàn cảnh gia đình (family circumstances), bất bình đẳng xã hội (social inequality) và cả yêu cầu của thị trường việc làm (job market requier) ...

Dựa trên cách tiếp cận tương tác (interactionalist theory), Tinto cho rằng, việc nghỉ học của một sinh viên nên được hiểu là một quyết định được tích lũy, cân nhắc và chuyển hóa trong một thời gian dài diễn ra tương tác giữa người học với cơ sở đào tạo, và với cả các cấu trúc giáo dục của xã hội (Tinto, 1994). Chúng có thể còn bao gồm các yếu tố như giới tính, chủng tộc, các vấn đề cá nhân và cả năng lực theo đuổi chương trình học (bao gồm kinh nghiệm được tích lũy trước đó và động lực hoàn thành chương trình). Một số các đặc tính còn lại có mối liên hệ với hoàn cảnh của gia đình, thậm chí là điều kiện kinh tế, xã hội, hệ giá trị, trình độ học vấn của bố mẹ cùng các kỳ vọng về thành công về sự nghiệp trong tương lai (Marco Romito, 2020).

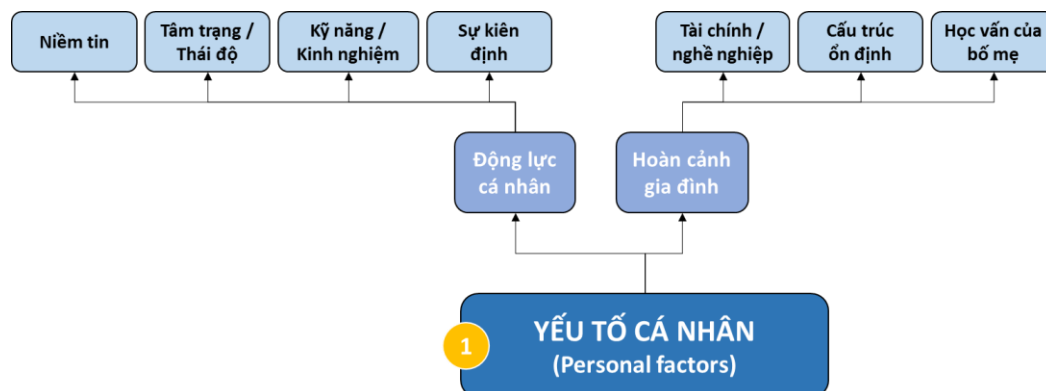
Từ các cách tiếp cận kể trên, ta có thể tổng hợp lại thành hai nhóm yếu tố chính dẫn tới quyết định nghỉ học của sinh viên, gồm (1) Nhóm các yếu tố bên trong (internal factors) / Nhóm các yếu tố cá nhân (personal factors) và (2) Nhóm các yếu tố bên ngoài (external factors) / Nhóm các yếu tố thiết chế (institutional factors). Bài viết này sử dụng cách tiếp cận theo góc độ cá nhân và góc độ thiết chế. Trong mỗi nhóm yếu tố này lại tồn tại các yếu tố có nội hàm nhỏ hơn mà thông qua việc triển khai đo lường các yếu tố này, nhà nghiên cứu có thể triển khai các nghiên cứu thực nghiệm nhằm chỉ ra đâu là lý do chính dẫn tới quyết định nghỉ học của sinh viên.

2.1. Cách tiếp cận từ góc độ cá nhân

Tiếp cận việc nghỉ học từ góc độ cá nhân là cách tiếp cận có xuất phát từ việc xem người học là chủ thể hành động (actor) – ta hiểu rằng ở đây chính là các sinh viên. Một số học giả cho rằng, đặc tính của chủ thể hành động có thể bao gồm các yếu tố như: (1) Động lực học tập của cá nhân: động lực học tập (Zeng, 2015), thái độ học tập và niềm tin (Bean, 1990), kinh nghiệm học tập trong quá khứ (Tufi Machado Soares, 2015); bên cạnh đó còn có các yếu tố như tính kiên định khi tham gia chương trình (Tinto, 1994) và các kỳ vọng về phần thưởng trong quá trình học (Eckstein and Wolpin,

1999) (2) Hoàn cảnh gia đình (Brandão, 1983) và trình độ học vấn của cha mẹ (Menezes-Filho 2002) ¹ và (3) các yếu tố nhân khẩu học khác (tuổi, giới tính...)

Các thành tố ở nội dung này được trình bày trong mô hình phân loại dưới đây



Hình 1: Các thành tố cấu tạo nên yếu tố cá nhân về mặt lý thuyết

a/. Động lực học tập của cá nhân

Động lực cá nhân là một chủ đề rộng lớn thuộc địa hạt nghiên cứu của Tâm lý học và Giáo dục học. Tuy nhiên, động lực cá nhân là một yếu tố không thể đo lường một cách trực tiếp mà phải dựa vào việc quan sát các yếu tố lân cận. Có nhiều điều giúp khởi tạo và củng cố động lực cho sinh viên hoàn thành chương trình học. (1) Sự hứng thú khi tiếp thu được những điều mới mẻ trong môn học, cảm giác tương thưởng và được công nhận sau mỗi lần nỗ lực học tập. (2) Sự động viên của gia đình cũng giúp người học ý thức được việc học của họ đang đi đúng hướng và hơn cả là (3) cơ hội tiếp cận với mạng lưới việc làm và nhìn thấy được thành quả học tập trong tương lai (Tufi Machado Soares, 2015) thông qua các mạng lưới giao tiếp giữa sinh viên với sinh viên, giữa sinh viên với giảng viên và giữa sinh viên với các doanh nghiệp tuyển dụng ... Những sinh viên càng có mức độ tin tưởng cao vào hoạt động học tập của mình sẽ càng có xu hướng tuân thủ cam kết để hoàn thành chương trình học (Tinto, 1994).

b/. Hoàn cảnh gia đình

Song song với các yếu tố thuộc về động lực bên trong của cá nhân, hoàn cảnh của gia đình người học có phần tồn tại theo dạng thức bên ngoài nhiều hơn. Tuy nhiên, khác với các yếu tố thiết chế xã hội - giáo dục, gia đình là một tổ chức xã hội vi mô được xác định bởi mối quan hệ huyết thống, vì thế vẫn gia đình gần gũi và gắn bó chặt chẽ với đời sống riêng tư của mỗi cá nhân nhiều hơn. Gia đình không chỉ (1) cung cấp nơi ăn chốn ở cho người học như một nguồn vốn xã hội (social capital) mà các cá nhân đang thụ hưởng (2) sự ổn định / thay đổi về mặt của trúc của gia đình (ly hôn, ly dị, tái hôn..., hoặc thay đổi về chỗ ở) – đều có thể ảnh hưởng lớn đến tâm – sinh lý của người

¹ Các phát hiện được trích dẫn từ nghiên cứu của Tufi Machado Soares và cộng sự (2015).

học. Tương tự, (3) trình độ học vấn và tuổi tác của cha mẹ cũng rất quan trọng. Khó có thể bỏ qua sự kỳ vọng và định hướng của gia đình dành cho mỗi cá nhân, nhất là khi trong gia đình ấy có ít người được học tới bậc đại học. (4) năng lực tài chính dồi dào của gia đình cho phép người học được lựa chọn ngành học hoặc chương trình học phù hợp với cá tính và nhu cầu của họ, ngược lại, các gia đình kém hơn về điều kiện vật chất sẽ có xu hướng kỳ vọng con cái của họ có thể nhanh chóng kiếm được việc làm và cải thiện thu nhập để nuôi sống gia đình.

2.2. Cách tiếp cận từ góc độ thiết chế

Tiếp cận từ góc độ thiết chế (institutional approach) là cách tiếp cận cho phép nhà nghiên cứu phân tích các hiện tượng khách quan trong xã hội khi đặt trong một bối cảnh (context) cụ thể của tổ chức giáo dục và các cấu trúc xã hội có tác động như thế nào tới quyết định của các cá nhân. Cầu nối then chốt giữa các yếu tố tâm lý bên trong của mỗi cá nhân với các giá trị bên ngoài của thể chế chính là quá trình nội tâm hóa (internalization).

2.2.1. Quá trình nội tâm hóa các giá trị của thiết chế

Từ góc độ hành động luận (action theories) của các nhà Xã hội học hiện đại, tiêu biểu là M.Weber và T.Pason ta sẽ hiểu được rằng, chủ thể hành động (actor) được nói tới ở đây đã là một thành viên của hệ thống xã hội, họ thừa hưởng các giá trị, chuẩn mực và mục tiêu của chính xã hội đó thông qua quá trình xã hội hóa từ trước khi trở thành một sinh viên. Quá trình nội tâm hóa diễn ra ở mỗi cá nhân đã chuyển hóa các thông tin bên ngoài thành một phần ý thức của chính các cá nhân, nhờ đó, chủ thể hành động biết được hành động nào là đúng / sai, cái gì nên làm / không nên làm ; thậm chí có thể tự tiên lượng được hành động đó sẽ đem lại hệ quả tích cực / tiêu cực như thế nào. Khi đứng ở góc độ này, việc nghỉ học của sinh viên không phải là một hành vi bộc phát bị chi phối bởi cảm xúc tức thời, thiếu cân nhắc. Đó là một quá trình tiếp nhận, đánh giá, nội tâm hóa thông tin và chuyển hóa chúng ra thành các quyết định được cho là phù hợp với bối cảnh xã hội cùng các kỳ vọng của sinh viên này.

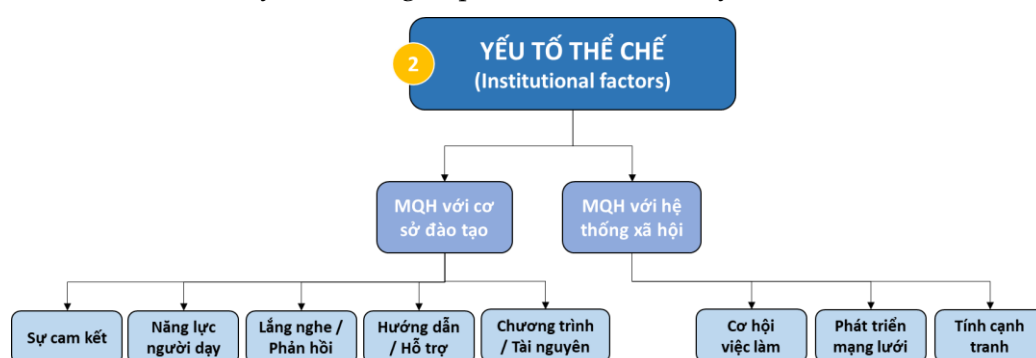
Khác với cách nghĩ của trường phái Cấu trúc – Chức năng tiêu biểu như A. Comte, H. Spencer và E. Durkheim - các nhà Hành động luận không hề bỏ qua các yếu tố tác động của cấu trúc – thiết chế. Họ cho rằng, các cá nhân không phải lúc nào cũng bị lệ thuộc vào hệ giá trị của cấu trúc sau quá trình xã hội hóa, ngược lại, họ có thể tự đưa ra quyết định của bản thân và quay ngược trở lại tác động vào thiết chế - cụ thể ở đây là quyết định nghỉ học của các sinh viên. Bước dịch chuyển mấu chốt để đưa ra các quyết định này (output) là việc người sinh viên này đã nội tâm hóa các thông tin đầu vào thiết yếu (input) từ các yếu tố bên ngoài từ trước đó.

Dựa trên tổng quan các nghiên cứu đã được thực hiện trước đó, chúng tôi cho tổng hợp được các yếu tố này bao gồm:

(1) Mối quan hệ giữa người học với cơ sở đào tạo (phản hồi và hỗ trợ trong học tập, tiếp cận tài nguyên của nhà trường, mối quan hệ với người dạy, sự cam kết hoàn thành chương trình học (Tinto, 1994), nội dung chương trình...);

(2) Mối quan hệ với hệ thống xã hội (tính cạnh tranh trong nhu cầu việc làm (Marco Romito, 2020), bất bình đẳng về vị thế có được từ công việc P.Bourdier, 1994 ...); khả năng phát triển mối quan hệ xã hội (nhu cầu giao tiếp và trao đổi xã hội (Yang, 2013), mối quan hệ bạn bè thân tình, mối quan hệ bạn bè trong các nhóm đồng sở thích tại trường học (CLB / Đội / Nhóm); mạng lưới tìm kiếm việc làm thêm, cơ hội tham gia vào mạng lưới học thuật / dự án của thầy cô ..)

Các thành tố này được tổng hợp vào sơ đồ dưới đây:



Hình 2: Các thành tố cấu tạo nên yếu tố thiết chế về mặt lý thuyết

2.2.2. Mối quan hệ giữa người học với cơ sở đào tạo

a/. Sự cam kết hoàn thành chương trình đào tạo

Như đã nói ở trên, việc nghỉ học của một sinh viên nên được hiểu là một quyết định được tích lũy, cân nhắc và chuyển hóa trong một thời gian dài diễn ra tương tác giữa người học với cơ sở đào tạo, và với cả các cấu trúc giáo dục của xã hội (Tinto, 1994). Do đó, sự kỳ vọng được tốt nghiệp đúng hạn cùng các cam kết (commitment) hoàn thành chương trình học của sinh viên sẽ phụ thuộc vào đặc điểm của các sinh viên đó. Tinto cũng đưa ra lưu ý rằng, kết quả được rút ra từ những nghiên cứu của ông thường thực hiện trong một khoảng thời gian dài. Đó là một tiến trình định hình (shaped) và tái định hình (reshaped) mối quan hệ giữa các bên liên quan khi thực hiện cam kết bao gồm người học, cùng các định chế giáo dục của nhà trường và xã hội.

b/. Mối quan hệ giữa người dạy - người học và sự hỗ trợ trong quá trình học

Các sinh viên năm thứ nhất là những người lần đầu tiên rời xa gia đình để bước chân vào không gian giáo dục đại học. Họ chính là những cần nhận được sự hỗ trợ cụ thể nhất. (1) Việc thiếu vắng các hướng dẫn chi tiết trong quá trình học, thiếu vắng sự lắng nghe các quan điểm trái chiều và thiếu sự điều phối của giảng viên với các mối quan hệ trong một tập thể lớp có thể nhanh chóng đẩy người học và tình thế bối rối, do

họ chưa đủ thông tin để tự ra quyết định. Ngoài ra, kỹ năng hòa nhập và môi trường học tập làm việc của sinh viên càng lớn thì xác suất hoàn thành chương trình học của sinh viên đó càng cao (Tinto, 1975). Sự cam kết theo học của sinh viên còn được tác động bởi (2) các nỗ lực giáo dục thường xuyên (continuously pedagogy) áp dụng cho các sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Các sinh viên này cần được cung cấp các kỹ năng về nhận thức xã hội và thực tiễn cần thiết để thích nghi với môi trường học và phát triển năng lực bản thân. (3) kỹ năng sư phạm của người dạy (pedagogical skills) cũng tác động nhất định tới khả năng tiếp thu kiến thức và động lực của người học. Ngoài giảng dạy, các sinh viên còn biết đến vai trò chính yếu của giảng viên là người đưa ra các đánh giá về đồ án của họ. Họ có nhu cầu được công nhận, được hướng dẫn và nhận lại (4) những đánh giá công bằng. Cuối cùng, (5) các chính sách hỗ trợ của nhà trường sẽ giúp sinh viên có thêm thời gian chăm sóc cho gia đình của họ, từ đó tạo ra tâm lý an tâm thoải mái cho người học góp phần giúp người học hoàn thành chương trình học mà họ đã tham gia lúc đầu (Marco Romito, 2020).

c. Nội dung của chương trình đào tạo

Nội dung của chương trình đào tạo có mối liên hệ chặt chẽ tới động lực hoàn thành chương trình học của sinh viên (Feng, 2019). Nghiên cứu của Feng và cộng sự chỉ ra rằng, các yếu tố như kỹ thuật thiết kế chương trình học (course design), thời gian học tập, độ khó của nội dung (cùng một số yếu tố ngoại cảnh khác) đã tác động trực tiếp vào việc nghỉ học của sinh viên (Feng, 2019). Những chương trình miễn phí khiến sinh viên cho rằng, chúng không đáng giá để tham dự (Aldowah, 2019), từ đó giảm thiểu mức độ cam kết hoàn thành chương trình học giữa người học với cơ sở đào tạo. Độ khó của chương trình cũng là một khía cạnh cần được xem xét. Một chương trình được thiết kế với độ khó cao là một thách thức thực sự với kiến thức nền (background knowledge) của những người theo học (Aldowah, 2019). Nhưng nếu, chương trình được thiết kế quá đơn giản người học sẽ nhận ra rằng việc nỗ lực để đạt thành tích cao là không cần thiết, việc đánh giá sẽ không đem lại sự phân loại công bằng giữa các sinh viên. Nguy hại hơn, một chương trình được thiết kế không phù hợp còn mang tới sự giảm hứng thú của người học ngay cả khi sinh viên đó đạt được thành tích cao (Oreopoulos, 2007). Tất cả những điều này đều sẽ giảm động lực theo học, thái độ học tập và kể cả niềm tin học tập dành cho nhà trường.

d. Khả năng tiếp cận và sử dụng tài nguyên của nhà trường

Đại học là môi trường tự học và tự nghiên cứu. Các sinh viên chỉ có thể tự học một cách hiệu quả nếu được cung cấp các điều kiện khai thác tài nguyên của nhà trường. Các tài nguyên này có thể được phân loại như các tài nguyên vật chất như: hệ thống thư viện, internet, phòng thí nghiệm, không gian hoạt động ngoại khóa, phòng hội thảo, canteen, cây xanh ... và các tài nguyên phi vật chất như danh tiếng của nhà trường, cơ hội tiếp cận những mạng lưới việc làm hoặc dựa vào trình độ của đội ngũ

của giảng viên (Marco Romito, 2020). Việc hạn chế khả năng tiếp cận hoặc cơ hội tiếp cận không đều giữa các sinh viên dễ dàng tạo ra sự rạn nứt về lòng tin của người học đối với việc họ có đủ khả năng hoàn thành được chương trình học đúng hạn.

2.2.3. Mối quan hệ giữa người học với hệ thống xã hội

a. Sự cạnh tranh và nhu cầu việc làm

Chức năng chính của các cơ sở giáo dục đại học là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Việc nghỉ học của sinh viên là một sự đe dọa hiện hữu về chất lượng nguồn lao động mà các cơ sở giáo dục đang đào tạo cho xã hội trong tương lai, thậm chí là tái tạo lại sự bất bình đẳng trong xã hội.

Thông qua công trình của mình về tập tính (habitus), trường văn hóa (culture capital and field), nhà xã hội học người Pháp - P.Bourdier - cho rằng nhu cầu việc làm từ thị trường lao động và tính cạnh tranh từ các công việc đó có liên quan tới việc ra đi của các sinh viên (Marco Romito, 2020). Việc làm phản ánh mức thu nhập nhất định của người học trong tương lai. Với những công việc được đánh giá là khó, nguy hiểm có ít người sẵn lòng làm thường sẽ những công việc nhận được mức thu nhập tốt do có tính cạnh tranh cao hơn.

Nói khác đi, yếu tố khiến một công việc nào đó được săn đón hơn những công việc còn lại chính là nhu cầu thực tế của công việc đó đối với xã hội và độ hiếm về nhân sự để đáp ứng các nhu cầu này. Thông qua quá trình tiếp nhận thông tin và nội tâm hóa các thông tin này, nếu một sinh viên nào đó hiểu rằng, chương trình mà họ đang theo học khó có thể đem lại cho họ một công việc được xã hội đánh giá cao và có một mức thu nhập mơ ước, thì điều này có thể sẽ tác động mạnh tới động lực hoàn thành chương trình học của chính sinh viên đó. Họ có thể sẽ đưa ra quyết định nghỉ học, thay vì tiếp tục theo đuổi một chương trình không có tiềm năng. Nếu vẫn tiếp tục theo học một chương trình như vậy, trong khi động lực học tập thực sự của người học đã bị suy giảm, thì điều này có thể sẽ dẫn tới một hệ lụy ngay sau đây.

b. Bất bình đẳng và tâm lý bất mãn trong xã hội

Lý thuyết của P.Bourdier có thể được xem là một trong các lý thuyết trung tâm được sử dụng để diễn giải mối liên hệ giữa việc nghỉ học của sinh viên với sự tái tạo các trạng thái bất bình đẳng trong xã hội hiện nay (Marco Romito, 2020). Nhìn chung, hệ thống xã hội chỉ đưa ra các nhu cầu của công việc, tự nó chưa thể tự đưa ra các điều tiết để làm cân bằng lại các bất bình đẳng trong xã hội cho tới khi có một thiết chế nào đó lên tiếng để đảm bảo trạng thái cân bằng trong xã hội. Vì thế, vào thời điểm đầu tiên sau khi ra trường, các sinh viên theo học các chương trình không đáp ứng đúng nhu cầu của xã hội sẽ phải đối mặt với tình trạng thất nghiệp trong một thời gian, kéo theo sự suy giảm kỳ vọng của bản thân về uy tín, danh dự và cơ hội phát triển nghề nghiệp trong tương lai. Điều này thực chất là một vòng luẩn quẩn. Sự bất mãn của các

cử nhân mới ra trường cùng hình ảnh của nạn thất nghiệp tràn lan được các phương tiện truyền thông truyền tải có thể sẽ quay ngược trở lại tác động vào động lực tuân thủ cam kết hoàn thành chương trình học của những sinh viên đang theo học, dẫn đến quyết định nghỉ học của các sinh viên này trong tương lai gần.

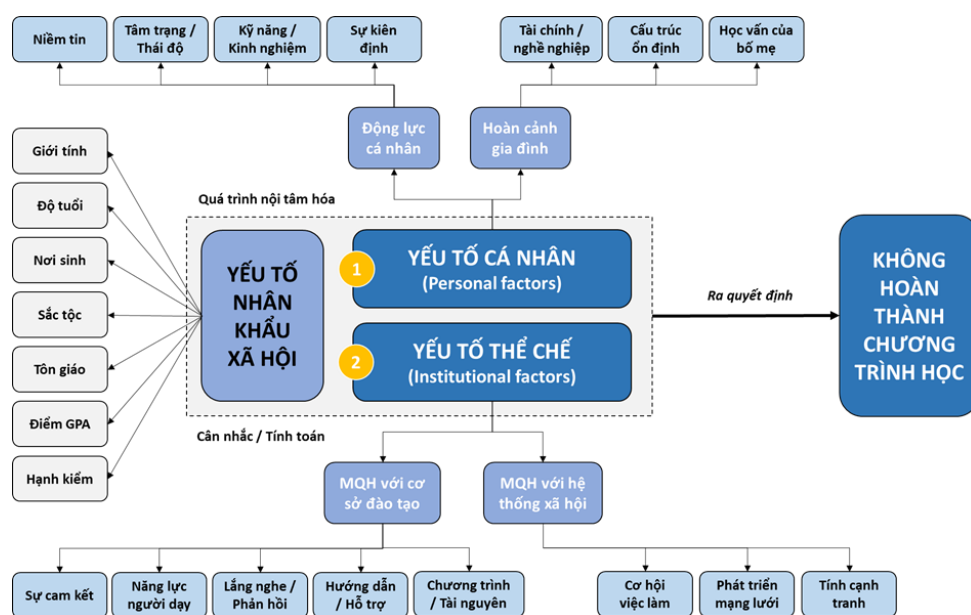
Như vậy, việc điếm qua các công trình nghiên cứu dựa trên nhiều góc độ tiếp cận khác nhau đã phần nào phác họa nên được bức tranh tổng quan về mặt lý thuyết cho một nghiên cứu thực nghiệm về hiện tượng bỏ học của sinh viên hiện nay. Từ các cơ sở lý thuyết này, chúng tôi tiến tới đề xuất một mô hình nghiên cứu như phần dưới đây

2.3. Mô hình thực nghiệm

Đã có nhiều nghiên cứu đưa ra những mô hình thực nghiệm được áp dụng trong thực tế. Hanan Aldowah và cộng sự đã đề xuất mô hình các yếu tố ảnh hưởng tới việc nghỉ học của sinh viên trong các khóa học trực tuyến đại chúng (Massive open online courses - MOOC). Mô hình này gồm 4 yếu tố chính: (1) Cá nhân (personal factor), gồm: kinh nghiệm học tập, kỹ năng nghiên cứu, hoàn cảnh gia đình ; (2) Xã hội (social factor), gồm: tương tác xã hội, sự hiện diện xã hội, hỗ trợ xã hội ; (3) Khóa học (course factor), gồm: thời gian học, độ khó của nội dung, thiết kế chương trình, sự cam kết ; và (4) Nhà trường (academic factor), gồm: tạo động lực và phản hồi (Hanan Aldowah, 2019).

Nghiên cứu của Tufi về hiện tượng nghỉ học của học sinh trung học lại đưa ra một mô hình khái quát hơn, bao gồm 3 yếu tố chủ chốt: (1) Trường học (school), gồm: nhận thức về chất lượng giáo dục, chất lượng giảng dạy thấp, chất lượng của trường học ; (2) Gia đình (family), gồm: sự quan tâm của cha mẹ tới việc học của con cái, trình độ học vấn của bố mẹ, điều kiện kinh tế - xã hội và (3) Học sinh (student), gồm: khó khăn khi học môn toán, khó khăn với các môn học nói chung, các kỳ vọng (công việc tốt, cơ hội học lên đại học, mong muốn về một môi trường năng động...) và các yếu tố nhân khẩu xã hội khác (Tufi, 2015). Điểm mạnh của mô hình này là tác giả đã chỉ ra điểm giao thoa qua lại giữa các tiểu yếu tố (sub-factor) trong chính mô hình.

Trong khi đó, mô hình thực nghiệm được đề xuất trong bài viết này là một nỗ lực cụ thể hóa từ các thành tố cấu tạo nên các yếu tố cá nhân, thiết chế và một số thông tin nhân khẩu, dựa trên sự tổng hợp nghiên cứu đã thực hiện ở trên. Các nội dung là được sử dụng như một biến số độc lập, trong khi quyết định không hoàn thành chương trình học là biến phụ thuộc. Từ mô hình này, người nghiên cứu có thể nhanh chóng nhìn ra được các thông tin cần thu thập để thực hiện quá trình đo lường tác động nhằm chỉ ra đâu là yếu tố đóng vai trò chủ đạo trong việc khiến sinh viên nghỉ học



Hình 3: Mô hình nghiên cứu thực nghiệm được rút ra từ tổng quan lý thuyết

Mô hình này có một hạn chế đó là đó là chưa có sự hiện diện của các yếu tố thuộc về các biến cố bất thường có thể xảy ra trong xã hội như sự sa sút về sức khỏe của người học, thiên tai, chiến tranh, đại dịch... Mô hình thực nghiệm này cũng phù hợp với các phân tích định lượng theo dạng tuyến tính hơn là nghiên cứu khám phá theo dạng định tính.

3. KẾT LUẬN

Nghỉ học là một hiện tượng xã hội phức tạp vì cùng lúc có liên hệ tới nhiều bên liên quan (người học – nhà trường – xã hội). Người học và nhà trường có một sự ràng buộc nhất định, thể hiện qua cam kết hoàn thành chương trình đào tạo nhằm chuẩn bị lực lượng lao động chất lượng cao cho xã hội. Tuy nhiên, không phải lúc nào các cam kết này cũng được thực hiện một cách trọn vẹn và có hơn một lý do để trả lời cho bài toán này. Những yếu tố khiến người học đi đến quyết định không thực hiện cam kết hoàn thành chương trình học có thể được phân loại ra thành hai nhóm yếu tố chính là các yếu tố bên trong / yếu tố thuộc về cá nhân và các yếu tố bên ngoài / yếu tố thuộc về thiết chế. Với mỗi nhóm yếu tố này, lại tồn tại thêm một số yếu tố có nội hàm nhỏ hơn. Từ việc tổng hợp các nghiên cứu và lý thuyết có liên quan, chúng tôi đã đề xuất một mô hình nghiên cứu thực nghiệm có thể áp dụng trong các nghiên cứu định lượng trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Aldowah, H., Al-Samarraie, H., & Ghazal, S. (2019). How course, contextual, and technological challenges are associated with instructors' individual challenges to successfully implement e-learning: A developing country perspective. *IEEE Access*, 7, 48792–48806.
- [2] Feng, W., Tang, J., & Liu, T. X. (2019). Understanding dropouts in MOOCs. PBC School of Finance of Tsinghua University and Association for the Advancement of Artificial Intelligence. Retrieved January 10, 2019, from <http://keg.cs.tsinghua.edu.cn/jieta ng/publicatio ns/AAAI1 9-Feng-dropo ut-moocs .pdf>.
- [3] Hanan Aldowah, Hosam Al-Samarraie, Ahmed Ibrahim Alzahrani, Nasser Alalwan (2019). "Factors affecting student dropout in MOOCs: a cause and effect decision-making model" , *Journal of Computing in Higher Education*.
- [4] Marco Romito, Silvia Pilutti, Dalit Contini (2020), Why do students leave university? Qualitative research at an Italian higher education institution, *European Journal of Education*, DOI: 10.1111/ejed.12408
- [5] Yang, D., Sinha, T., Adamson, D., & Rosé, C. P. (2013). Turn on, tune in, drop out: Anticipating student dropouts in massive open online courses. Paper presented at the proceedings of the 2013 NIPS datadriven education workshop.
- [6] Tinto (1987), V. *Leaving College: Rethinking the Causes and Cures of Student Attrition*. Chicago, IL: The University of Chicago Press.
- [7] Tufi Machado Soares, Neimar da Silva Fernandes, Mariana Calife Nóbrega, Alexandre Chibebe Nicolella (2015), Factors associated with dropout rates, *Educ. Pesqui.*, São Paulo, v. 41, n. 3, p. 757-772, jul./set

FACTORS INFLUENCES STUDENT'S DECISION TO DROPOUT OF UNIVERSITY - FROM LITERATURE REVIEW TO EMPIRICAL MODE

Nguyen Thieu Tuan Long

Sociology and Social Work Faculty, University of Sciences, Hue University

Email: tuanlong.dhkh@husc.edu.vn

ABSTRACT

Student dropout is a popular educational issue in modern society. There are a lot of reasons that influences student's decision to drop out of university; these reasons include not only internal / personal factors, but also external / institutional factors. This paper takes focuses on a literature review that can suggest an empirical mode under social science theories in the future.

Keywords: Dropout, institutional factors, personal factors.



Nguyễn Thiều Tuấn Long sinh ngày 6/6/1991 tại Thừa Thiên Huế. Ông tốt nghiệp cử nhân chuyên ngành Xã hội học tại trường Trường Đại học Tổng hợp Quốc gia Ivanovo, Liên bang Nga năm 2015; tốt nghiệp Thạc sĩ chuyên ngành Xã hội học tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG Hà Nội năm 2019. Hiện ông đang công tác tại Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.

Lĩnh vực nghiên cứu: Phân tích dữ liệu, Lềch lạc xã hội, Xung đột và Bạo lực chính trị.

